

Vài nét về sự đổi mới của nhóm hộ gia đình thuần nông ở nông thôn phía Bắc

LÊ PHƯỢNG

1. VÀI NÉT VỀ SỰ CHUYỂN ĐỔI CỦA NHÓM HỘ THUẦN NÔNG.

1. Tỷ lệ nhóm hộ thuần nông trong tổng mẫu khảo sát điều tra xã hội học:

Nhóm xã hội	%		
	Xuân Sơn 1993	Đông Dương 1992	Đông Dương 1989
Hộ thuần nông 1	82,6	48,2	56,0
Hộ hỗn hợp 2	17,8	51,8	44,0
Hộ phi nông nghiệp 3	0	0	0
Tổng cộng	100	100,0	100,0

Theo số liệu ở bảng trên ta thấy xu thế giảm thành phần thuần nông của xã Đông Dương diễn ra mạnh mẽ hơn xã Xuân Sơn rất nhiều. Số hộ thuần nông ở Đông Dương giảm xuống dưới 50%, trong khi đó ở Xuân Sơn vẫn còn 82,6% số hộ trong mẫu. Đồng thời định hướng kinh doanh tổng hợp của xã Xuân Sơn tỏ ra yếu kém hơn nhiều so với Đông Dương: dưới 20% so-với trên 50% số hộ trong mẫu. Nếu xem xét mức độ chuyển đổi của xã Đông Dương từ năm 1989 đến năm 1992 ta thấy: tỉ trọng hộ thuần nông giảm từ 56% xuống 48,2% giảm được 8,8%, nếu tính trung bình thì mỗi năm giảm được chưa tới 3~0. *Mức độ giảm tỉ trọng nhóm thuần nông còn chậm chạp SO Với yêu cầu chuyển mạnh sang cơ Chế thị trường hiện nay:* điều đó cản trở đến sự phát triển kinh tế của toàn xã. Để xác định lại luận cứ trên đây, chúng ta xem xét dưới góc độ:

2. Mức độ chuyển sang kinh tế thị trường của nhóm hộ thuần nông.

Năng lực bán sản phẩm của nhóm hộ thuần nông

		Đông Dương 1992		Xuân Sơn 1993	
		Thuần nông	Hỗn hợp	Thuần nông	Hỗn hợp
		Có bán thóc	1	24,1	25,0
Có hoa màu	2	9,7	13,5	44,6	22,2
Có gia cầm	3	27,6	30,1	50,0	25,0
Có lợn	4	94,5	96,8	91,9	80,6
Có sản phẩm thủ công	5	0	25,6	0	30,6

Tỉ suất thóc hàng hóa bán ra thị trường của nhóm hộ thuần nông ở cả 2 xã đều còn rất thấp và đặc biệt ở xã Đông Dương còn thấp hơn nhóm hộ hỗn hợp. Tỉ lệ hộ thuần nông ở Xuân Sơn có bán thóc cao hơn tỉ lệ này ở xã Đông Dương: 29,5 so với 24,1. Không phải tất cả các hộ bán thóc vì có thóc thừa, mà rất nhiều hộ do nhu cầu chi tiêu hàng ngày, hoặc hoàn cảnh đặc biệt phải bán thóc. Cụ thể số hộ thuộc diện thiếu ăn có bán thóc là nằm trong diện này. Ở xã Đông Dương có 13 hộ thuộc diện thiếu ăn có bán thóc chiếm 4,3% tổng số hộ trong mẫu. Như vậy nếu tính tỉ suất thóc hàng hóa ở xã Đông Dương thực tế chỉ có (74-13) 61 hộ chiếm 20,3% số hộ trong mẫu. Tỉ lệ này ở xã Xuân Sơn là 18,1%. Trong khi đó nhóm hộ thuần nông ở Đông Dương tỉ suất hàng hóa rất thấp so với nhóm hộ hỗn hợp, và thấp rất nhiều so với nhóm hộ thuần nông ở xã Xuân Sơn. Do chất đất không phù hợp với việc trồng lúa nên nông dân Xuân Sơn đã tích cực chuyển sang trồng nhiều loại hoa màu có năng suất cao hơn lúa như: đậu tương, đậu xanh, lạc. Trong chăn nuôi, tỉ suất lợn hàng hóa ở cả hai xã đều cao và ở xã Đông Dương của nhóm hộ hỗn hợp cao hơn nhóm thuần nông. Tỉ suất lợn hàng hóa ở Đông Dương cao hơn Xuân Sơn ở cả 2 nhóm. Bên cạnh đó tỉ suất gia cầm (gà, vịt...) hàng hóa của nhóm thuần nông ở Xuân Sơn gần gấp đôi tỉ suất này ở xã Đông Dương. Các hộ thuần nông ở Xuân Sơn chăn nuôi gia cầm ở quy mô lớn hơn Đông Dương, nhất là vịt. Sản xuất lúa chỉ dùng ở mức độ: "lấy công làm lãi" chứ thật sự nông dân không có lãi. *Cũng chính vì thế năng lực bán sản phẩm của cả hai nhóm đều hạn chế* (trừ lợn) và đặc biệt nhóm hộ thuần nông ở cả hai xã chỉ xấp xỉ hoặc kém hơn nhóm hộ hỗn hợp.

Tương ứng với mức độ bán hàng hóa thấp kém sức mua hàng hóa của nhóm thuần nông ở cả 2 xã rất hạn chế so với nhóm hộ hỗn hợp và thực sự yếu kém so với yêu cầu phát triển. Tại xã Đông Dương nếu chỉ tính trong vòng tháng 10 - 1992 chi mua đồ đất tiền trên 500.000 đồng chỉ có 1 hộ thuần nông (0,7) lại là hộ thiếu ăn, 1 hộ thuần nông (0,7) chi từ 101 - 200.000 đồng. Tỷ lệ số hộ thuần nông không chi tiêu gì chiếm 8,6%. Nếu tính trong năm 1991 thì sức mua của nhóm hộ thuần nông kém hẳn so với nhóm hộ hỗn hợp cả về lượng lẫn chất. Tình hình này ở xã Xuân Sơn cũng tương tự.

Trên lĩnh vực thị trường trao đổi hàng hóa, sức bán, sức mua của cả 2 xã đều còn rất hạn chế, và nhóm hộ hỗn hợp có năng lực mua bán hơn hẳn nhóm hộ thuần nông ở cả 2 xã.

- *Trong thị trường lao động và tiền tệ:* thu nhập từ làm thuê chiếm tỉ trọng rất nhỏ ở cả 2 xã và nhóm hộ thuần nông ở tỉ lệ thu nhập từ làm thuê rất thấp so với nhóm hộ hỗn hợp. Thí dụ xã Xuân Sơn có 8 hộ (4%) có thu nhập từ làm thuê, trong đó nhóm thuần nông có 3 hộ (2%), nhóm hộ hỗn hợp có 5 hộ chiếm 14,7%, lại tập trung chủ yếu vào nhóm hộ nông nghiệp kiêm buôn bán dịch vụ. Ở xã Xuân Sơn dịch vụ khai thác cát rất phát triển thu hút hàng trăm lao động từ nơi khác đến làm và làm thuê, thế nhưng số lao động "thất nghiệp" ở xã Xuân Sơn vẫn còn nhiều. Họ không làm thuê do công việc quá nặng, tiền công ít (10.000đ/ngày). Phải chăng đây là lý do chính giải thích tỉ lệ đi làm thuê hay còn tiềm ẩn lý do nào khác. Nếu xem xét từ góc độ thu nhập từ làm thuê thì nhóm hộ thuần nông vẫn yếu kém hơn nhóm hộ hỗn hợp. Cụ thể có 3 hộ làm thuê: 1 hộ (0,6) tỷ lệ thu nhập chiếm 4% tổng thu, 1 hộ (0,6) tỉ lệ thu nhập chiếm 28% và 1 hộ - 50% tổng thu. Trong khi đó nhóm hỗn hợp tỉ lệ như sau: chiếm 15%, 1 hộ (3,4) - 15% 1 hộ (3,4) 25% 1 hộ (3,4) và 58% 1 hộ (3,4). Đặc biệt tất cả các hộ có thu nhập từ làm thuê đều thuộc nhóm đủ ăn (7) và chỉ có 1 hộ thuộc nhóm thiếu ăn.

Mức độ thuê mướn nhân công nói chung còn thấp, quy mô chưa rộng. Ở xã Đông Dương mức độ thuê mướn cao hơn xã Xuân Sơn và nếu so sánh theo nhóm nghề nghiệp thì

nhóm hộ hỗn hợp tỉ lệ hộ có thuê mướn cao hơn tỉ lệ này ở nhóm hộ thuần nông. Thí dụ trong khâu làm đất ở Đông Dương có 50 hộ (37,5) có thuê ở nhóm hộ thuần nông và 56 hộ (35,9) có thuê ở nhóm hộ hỗn hợp. Tại Xuân Sơn tỉ lệ đó là 11,1 (4 hộ) nhóm hộ hỗn hợp và 8,4) nhóm hộ thuần nông. Các khâu khác chủ yếu vẫn tự làm lấy hoặc đổi công, và mức độ "làm lấy ở xã Xuân Sơn ở tất cả các khâu đều cao hơn Đông Dương. Thí dụ ở khâu thu hoạch ở xã Đông Dương có 78 hộ (52,4) thuộc nhóm hộ thuần nông tự làm lấy, tỉ lệ này ở Xuân Sơn là 95,2 (158 hộ)

- Ở xã Đông Dương số hộ có cho thuê công cụ sản xuất đều nằm trong nhóm hỗn hợp, cụ thể 3 hộ có cho thuê cày bừa (4,3) 1 hộ cho thuê xe thồ (0,6) và các hộ đó đều thuộc diện khá giả hoặc đủ ăn.

Quan hệ tiền tệ tín dụng phát triển rất chậm và thiếu đồng bộ một cách nghiêm trọng. Ở xã Đông Dương có tới 70,8% số người được hỏi cho biết không vay tiền của ai cả. Trong số đó tỉ lệ không vay ở nhóm hộ thuần nông là 68,3, nhóm hộ hỗn hợp là 73, 1. Điều đáng ngạc nhiên là so với năm 1989 thì số người không vay tăng lên 10%⁽¹⁾.

Trong phỏng vấn sâu ở cả 2 xã nhiều gia đình, nhất là nhóm thuộc diện thiếu ăn cho rằng nếu nhà nước có cho vay cũng không dám vay vì sợ không trả được. Số người có vay đa số vay họ hàng theo kiểu tương trợ không lãi chiếm 94,4% số người có vay, gần gấp 3 lần tỷ lệ này vào năm 1989 (33,7). Đây mới chỉ là biểu hiện của khía cạnh giúp đỡ chứ chưa phải sự hợp tác hùn vốn làm ăn. Bên cạnh đó vẫn còn hiện tượng cho vay nặng lãi: có 38,5% tổng số người có vay, chịu vay với lãi suất 9% tháng. Tỉ lệ hộ vay họ hàng lãi suất tương tự thấp hơn chỉ có 5,6% số hộ có vay họ hàng. Tại xã Xuân Sơn số hộ có vay cao hơn xã Đông Dương: 77 hộ chiếm 38,1% số người trả lời, trong đó có 64 (8,1) hộ thuần nông và 13 (36,1) hộ hỗn hợp. Mục đích vay của hai nhóm hoàn toàn khác nhau: Nhóm hộ thuần nông vay chủ yếu để ăn và một số ít để đầu tư cho chăn nuôi. Ngược lại nhóm hộ hỗn hợp vay với số lượng lớn và chủ yếu để mua sắm phương tiện sản xuất: như thuyền chở cát hoặc máy xay xát, xe công nông... Tình trạng các hộ có vay cũng tương tự như Đông Dương. Cả hai xã Đông Dương và Xuân Sơn tỉ lệ hộ vay vốn ngân hàng còn rất thấp, Xuân Sơn có 37 hộ vay ngân hàng chiếm 48% số người được hỏi, trong đó số hộ thuộc nhóm hộ thuần nông là 26 (40,6) và nhóm hộ hỗn hợp có 11 hộ (84,6 số hộ thuộc nhóm này có vay vốn). Số tiền vay ngân hàng về lượng ở xã Xuân Sơn cao hơn hẳn xã Đông Dương. Nguyên nhân của sự khác biệt này chủ yếu do thủ tục vay vốn ở xã Xuân Sơn thuận lợi hơn xã Đông Dương. Điều đó được khẳng định qua kết quả phỏng vấn đầu ở 2 xã. Tại Đông Dương nói riêng và tỉnh Thái Bình nói chung bà con nông dân phàn nàn rất nhiều sự phức tạp, phiền nhiễu của thủ tục cho vay vốn.

Gọi là hộ hỗn hợp song thu nhập chủ yếu vẫn từ nông nghiệp. Ở xã Đông Dương số hộ có thu nhập từ làm ruộng chiếm 71 – 100% tổng thu nhập ở nhóm hỗn hợp là 11 hộ chiếm 13,4% = 31 - 70% là 61 hộ (74,4) ở xã Xuân Sơn tỉ lệ thóc trong tổng số thu nhập của nhóm hộ hỗn hợp như sau: 21 – 40% có 14 hộ (41,1) 91 - 60% có 12 hộ (35,2). Nhìn chung mức độ chuyển sang kinh tế thị trường của cả 2 nhóm còn rất thấp. Nhóm hộ thuần nông mới chỉ đủ ăn chưa có sản phẩm dư thừa. Điều đáng nói là về mặt địa lý cả 2 xã đều có nhiều thuận lợi: cận thị, cận lộ, cận giang nhưng cả 2 xã vẫn chưa phát huy được mặt thuận lợi này để phát triển kinh tế.

⁽¹⁾ Năm 1989 theo kết quả điều tra xã hội học số người không vay chiếm 62,3%.

3. Phân tầng mức sống của nhóm hộ thuần nông.

Tự đánh giá mức sống		%			
		Đông Dương 1992		Xuân Sơn 1993	
		Thuần nông	Hỗn hợp	Thuần nông	Hỗn hợp
Sung túc	1	2,9	9,6	0	2,7
Đủ ăn	2	63,6	81,4	77,7	86,1
Thiếu ăn	3	32,1	9,0	21,7	11,1
Nghèo đói	4	1,4	0	0,6	0

Xem xét mức sống tương quan với nghề nghiệp: nhóm hộ hỗn hợp tỉ lệ sung túc và đủ ăn cao hơn hẳn nhóm hộ thuần nông ở cả 2 xã. Tỷ lệ hộ sung túc ở nhóm hộ hỗn hợp cao hơn tỉ lệ này ở nhóm hộ thuần nông 3,3 lần ở xã Đông Dương. Còn nếu so sánh nhóm thuần nông ở cả 2 xã thì rõ ràng có sự khác biệt quá lớn. Ở Xuân Sơn không có lấy một hộ ở nhóm thuần nông là khá giả. Nhưng nếu so sánh mức độ thiếu ăn và nghèo đói thì ở Đông Dương tỉ lệ này ở nhóm thuần nông cao hơn hẳn xã Xuân Sơn (xem bảng trên). Đặc biệt dưới đây của tháp phân tầng mức sống có 3 hộ nghèo đói thì đều thuộc nhóm hộ thuần nông. Nếu tính tỉ lệ hộ thiếu ăn ở nhóm hộ thuần nông ở cả 2 xã đều cao hơn rất nhiều so với tỉ lệ này ở nhóm hỗn hợp.

Qua phân tầng mức sống ở 2 xã đại diện rõ ràng nhóm hộ thuần nông “giỏi lắm mới đủ ăn” không còn là một nhận xét suông nữa. Không những thế mà một tỉ lệ số hộ thiếu ăn nghèo đói còn khá cao.

II. XU HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI TIẾP TỤC CỦA NHÓM HỘ THUẦN NÔNG

1. Phương hướng phát triển của sản xuất kinh doanh của nhóm hộ thuần nông.

Số liệu điều tra tại xã Xuân Sơn 1993

		%				
		Thuần + nông	Nông + tiểu thủ công ngh nghiệp	Nông + buôn bán dịch vụ	Nông +cán bộ nhà nước	+
Thâm canh	1	6,6		6,9		6,5
Dịch vụ	2	0,6				0,5
Chăn nuôi	3	0,6		6,9		1,5
Thâm canh + chăn nuôi	4	90,3	80,0	75,9	50,0	87,9
Thâm canh + VAC	5	0,6		3,4	50,0	1,0
Thâm canh + làm thuê	6			3,4		0,5
Thâm canh + dịch vụ	7					0,5
Chăn nuôi + VAC	8	0,6				0,5
Chăn nuôi+làm thuê	9		3,4			0,5
Không có dự định	10	6,6	0,0	0		6,0

Như vậy nếu xét mô hình toàn xứ thì tuyệt đại đa số các nhóm nghề nghiệp đều định hướng phát triển hệ thống nông nghiệp mở rộng: Ruộng khoán + VAC, có 189 hộ chiếm 93,6% số hộ trong mẫu. Trong đó có tới 99,4% số hộ thuần nông không định hướng sang kinh tế hỗn hợp, chỉ có 1 hộ (0,6) có dự định làm thêm dịch vụ. 80% số hộ nông nghiệp kiêm tiểu thủ công nghiệp có hướng thâm canh và chăn nuôi. Trong nhóm nông nghiệp kết hợp buôn bán dịch vụ chỉ có 1 hộ dự định thâm canh + dịch vụ chiếm 3,4 tổng số hộ, số hộ còn lại dự định phát triển hệ thống nông nghiệp mở rộng Ruộng khoán + VAC chiếm 96,6 tổng số hộ trong nhóm này. Cả hai hộ nông nghiệp + cán bộ nhà nước đều dự định tiếp tục mô hình Ruộng khoán + VAC. Nếu xem xét tổng thể, thì định hướng phi nông nghiệp chiếm tỉ trọng quá nhỏ: chỉ có 2 hộ (1,1%) mà lại chủ yếu làm thêm dịch vụ + thâm canh lúa. Định hướng nông nghiệp + ngành nghề hoàn toàn thiếu vắng. Có 4 hộ nông nghiệp + tiểu thủ công nghiệp thì cả 4 hộ định hướng mạnh sang mô hình Ruộng khoán + chăn nuôi. Nếu nhìn từ góc độ "hướng phát triển kinh tế" thì trong những năm tới tỉ lệ hộ thuần nông Xuân Sơn không chỉ "dậm chân tại chỗ" mà có nguy cơ tăng trưởng. Đối với nhóm hộ hỗn hợp xu hướng đẩy mạnh kinh tế nông nghiệp theo mô hình Ruộng khoán + VAC hoàn toàn áp đảo xu hướng tiếp tục phát triển ngành nghề + buôn bán, dịch vụ. Như vậy có thể thấy được sự khó khăn của kinh tế hộ gia đình trong việc xoay sở để chọn cho mình một phương hướng sản xuất phù hợp với cơ chế mới. Tình trạng trên cũng diễn ra tương tự ở Đông Dương. Đáng lưu ý là số hộ không có dự định phát triển sản xuất kinh doanh chiếm tới 50,0% ý kiến trả lời, con số này quá lớn so với Xuân Sơn. Qua kết quả phỏng vấn sâu ở cả 2 xã đại diện cho thấy đa phần các hộ gia đình nông dân, bằng cách này hay cách khác, đang nỗ lực tìm lối thoát cho bản thân, nhưng dường như điều này vượt qua khả năng hiện thực của những cố gắng nỗ lực cục bộ, tự phát.

2. Định hướng nghề nghiệp cho con cái.

Nếu nhìn từ góc độ "định hướng phát triển kinh tế" của các hộ, triển vọng phi nông nghiệp hóa vô cùng nhỏ bé, thì chúng ta sẽ có hy vọng vào định hướng nghề nghiệp cho con cái của các nhóm nghề nghiệp. Theo kết quả điều tra ở Xuân Sơn và Đông Dương, ý kiến "tùy" con cái quyết định khá lớn, đặc biệt là nhóm hộ thuần nông cụ thể, ở Xuân Sơn tỉ lệ phần trăm hộ thuần nông tùy con cái quyết định là 65,9 (85 hộ) đối với con trai và 66,4 (87) đối với con gái. Tỉ lệ này ở nhóm hộ hỗn hợp thấp hơn; đối với con trai 50,0 (14 hộ) và 43,5 (10 hộ) đối với con gái. Nhóm hộ thuần nông có 37 hộ định hướng phi nông nghiệp (84,0) cho con trai, tỉ lệ này ở nhóm hộ hỗn hợp là 78,6 (11 hộ). Định hướng cho con gái phi nông nghiệp ở nhóm thuần nông có 33 hộ chiếm 75% số hộ thuần nông có định hướng cụ thể cho con cái, tỉ lệ này ở nhóm hộ hỗn hợp là 9 hộ chiếm 60,0. Nếu xem xét dưới góc độ "dự định việc học hành các con gái" thì ở xã Xuân Sơn có tới 14,7 (16 hộ) cho con trai và 13,4 (15 hộ) muốn cho con gái học đại học của nhóm hộ thuần nông, tỉ lệ này ở nhóm hộ hỗn hợp thấp hơn: 5,6 (2 hộ) cho con trai và 14,2 (3 hộ) cho con gái. Học nghề cũng là một trong những chỉ báo quan trọng mà nhiều gia đình quan tâm tới. Nhóm hộ thuần nông có 12,8 (14) cho con trai và 15,2 (17) hộ cho con gái theo học nghề. Trong khi đó thì tỉ lệ này ở nhóm hộ hỗn hợp cũng thấp hơn: 5,6 (2 hộ) cho con trai và 10,0 (4 hộ) cho con gái. Tại Đông Dương ý kiến không trả lời và "tùy con cái" chiếm tỉ lệ rất cao ($43,4 + 31,7 = 75,1$) thể hiện thái độ bàng quang "đến đâu hay đến đó" của các bậc cha mẹ đối với nghề nghiệp của con cái, và tỉ lệ này ở 2 nhóm xấp xỉ bằng nhau. Số hộ có định hướng cụ thể cho con cái của nhóm hộ thuần nông thì định hướng phi nông nghiệp áp đảo xu hướng "nông nghiệp", 25 hộ chiếm 17,3 số hộ trả lời so với 11 hộ chiếm 7,6. Tỉ lệ này ở nhóm hỗn hợp cũng tương tự: 28 hộ (24,5) so với 4 hộ (2,6). Trong việc dự định học nghề cho con cái ở

nhóm thuần nông tỉ lệ gia đình muốn con gái học nghề là 20,5 (9 hộ) thấp hơn tỉ lệ này đối với con trai, 37,0 (17 hộ). Nếu xem xét chung cả 2 giới thì tỉ lệ hộ thuần nông muốn cho con học nghề cao hơn tỉ lệ này ở nhóm hỗn hợp: 28,75 so với 15,5. Nhóm hộ hỗn hợp có sự khác biệt khá hơn về định hướng học nghề cho con trai và con gái, số hộ muốn con trai học nghề là 17 (24,3) cao hơn số hộ muốn con gái học nghề 3 (5,8). Qua số liệu trên bước đầu chúng tôi thấy: đã có dấu hiệu tiến bộ của nhóm thuần nông, mặc dù bản thân các bậc cha mẹ chưa thoát ra khỏi hoàn cảnh "bế tắc" của mình nhưng vẫn hy vọng vào thế hệ con cái có nghề nghiệp, có học vấn cao. Đó cũng là dấu hiệu của sự vận động mạnh sang phi nông nghiệp của nhóm này sang thế hệ con cái. Mặt khác đã có dấu hiệu tiến bộ của cả hai nhóm trong việc định hướng nghề nghiệp đó là dần dần xóa bỏ sự khác biệt giới tính giữa con trai và con gái trong lĩnh vực này, đặc biệt thể hiện khá rõ nét ở xã Xuân Sơn. Nếu xem xét xu hướng chuyển đổi của cả hai nhóm từ góc độ định hướng nghề nghiệp cho con cái thì ta có thể dự báo được xu hướng chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của thế hệ các con. Nếu như vậy phải chăng trong những năm tới xã Xuân Sơn cơ cấu thuần nông sẽ giảm mạnh hơn xã Đông Dương. Đồng thời ở cả hai xã sẽ hình thành một nhóm nghề nghiệp mới: nhóm phi nông nghiệp. Tất nhiên điều này có thể xảy ra hay không còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố mà trong đó các chính sách đóng vai trò quyết định.